

Số: *46* /QĐ-HĐTV

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 4 năm 2014

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc ban hành Quy chế Quản lý Tài chính nội bộ Công ty mẹ - Tổng Công ty Khánh Việt

#### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT

Căn cứ Quyết định số 2914/QĐ-UB ngày 13/11/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Phương án chuyển đổi và chuyển Tổng Công ty Khánh Việt thành Tổng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khánh Việt;

Căn cứ Quyết định số 1922/QĐ-UB ngày 29/7/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh tên gọi của Tổng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khánh Việt thành Tổng Công ty Khánh Việt;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Khánh Việt đã được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt theo Quyết định số 2932/QĐ-UB ngày 12/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính Phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Quản lý Tài chính nội bộ Công ty mẹ - Tổng Công ty Khánh Việt.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính từ năm 2013 trở đi.

**Điều 3.** Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khánh Việt; Giám đốc các đơn vị phụ thuộc Tổng Công ty Khánh Việt; Các đơn vị phụ thuộc Tổng Công ty



Khánh Việt và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- HĐQT, KSV TCT;
- Các Phòng ban TCT, Ban Kiểm soát nội bộ TCT;
- Lưu: VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Tường Anh**





**QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH NỘI BỘ**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số **46** /QĐ-HĐTV ngày 28/4/2014  
của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Khánh Việt)

**CHƯƠNG 1**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc quản lý tài chính nội bộ của Công ty mẹ - Tổng Công ty Khánh Việt (sau đây viết tắt là Công ty mẹ).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Đối tượng áp dụng của Quy chế này là Công ty mẹ, các chi nhánh, đơn vị sản xuất kinh doanh hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ và các tổ chức, cá nhân liên quan!

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

**1. Đơn vị phụ thuộc:**

Đơn vị phụ thuộc là chi nhánh, đơn vị sản xuất kinh doanh (sau đây viết tắt là SXKD) hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ, được thành lập theo quyết định của Hội đồng thành viên (trước đây là Hội đồng quản trị) Tổng Công ty Khánh Việt (sau đây viết tắt là Tổng Công ty), có tư cách pháp nhân không đầy đủ, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Tổng Công ty và các quy định khác có liên quan.

**2. Các hình thức tổ chức hạch toán kế toán áp dụng đối với đơn vị phụ thuộc:**

**a) Hạch toán kế toán toàn diện:** là hình thức tổ chức hạch toán kế toán áp dụng cho một đơn vị SXKD thông thường. Các đơn vị phụ thuộc được tổ chức hạch toán kế toán toàn diện phải mở đầy đủ các loại sổ sách kế toán, thuế, thống kê, phải lập đầy đủ các báo cáo như một doanh nghiệp độc lập và phải chịu trách nhiệm đến kết quả cuối cùng của hoạt động SXKD trước Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc.

**b) Hạch toán kế toán báo số:** là hình thức tổ chức hạch toán kế toán từng phần tại đơn vị, phần còn lại chuyển về Phòng Kế toán Tài vụ Tổng Công ty



hạch toán hoặc chuyển toàn bộ chứng từ về Phòng Kế toán Tài vụ Tổng Công ty hạch toán. Các đơn vị phụ thuộc hạch toán kế toán báo sổ chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc trong phạm vi lĩnh vực, nhiệm vụ được phân cấp, phân công, ủy quyền.

**Điều 4. Phân loại áp dụng hình thức hạch toán kế toán và phân nhóm thẩm quyền quyết định, xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh tế, tài chính**

1. Tùy theo quy mô, tính chất hoạt động và điều kiện, khả năng quản lý mà các đơn vị phụ thuộc được phân loại áp dụng hình thức hạch toán kế toán và phân nhóm thẩm quyền quyết định, xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh tế, tài chính của đơn vị.

2. Việc phân loại, phân nhóm đơn vị phụ thuộc tại thời điểm ban hành Quy chế này áp dụng theo Phụ lục 1, Phụ lục 2 đính kèm và có thể được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung tùy theo sự thay đổi về số lượng, quy mô, tính chất hoạt động và điều kiện, khả năng quản lý của các đơn vị phụ thuộc.

**Điều 5. Trách nhiệm của đơn vị phụ thuộc**

1. Thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành của Nhà nước, các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Tổng Công ty, Quy chế này và các quy định khác có liên quan.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật Nhà nước và trước Tổng Công ty trong quá trình quản lý, sử dụng vốn, quỹ, tài sản; quản lý doanh thu, chi phí, kết quả hoạt động kinh doanh; trong công tác tài chính, kế toán, thống kê, thuế, hóa đơn chứng từ, báo cáo và các công tác khác có liên quan.

3. Chịu trách nhiệm xây dựng, ban hành các quy định cụ thể về theo dõi, quản lý, bảo quản, sử dụng tài sản; trong đó, quy định rõ trách nhiệm của từng bộ phận, từng cá nhân có liên quan trong việc theo dõi, quản lý, sử dụng tài sản.

4. Phản ánh kịp thời, trung thực tình hình sử dụng, biến động của vốn, tài sản trong quá trình kinh doanh của đơn vị; kịp thời quyết định, xử lý hoặc báo cáo lãnh đạo Tổng Công ty (*trong trường hợp vượt thẩm quyền được phân cấp*) các tài sản không cần dùng; hư hỏng; kém, mất phẩm chất; lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật; ứ đọng, chậm luân chuyển; mất mát, thiếu hụt; các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ không thu hồi được. Giám đốc các đơn vị phụ thuộc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật Nhà nước khi không kịp thời xử lý hoặc báo cáo lãnh đạo Tổng Công ty đối với các trường hợp nêu trên, dẫn đến thất thoát vốn của Nhà nước tại đơn vị.

5. Phối hợp và chịu sự hướng dẫn về mặt nghiệp vụ của các phòng ban Tổng Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh và thực hiện nhiệm vụ được giao.



6. Có trách nhiệm thực hiện và được phân cấp quyết định, xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh tế, tài chính quy định tại Quy chế này. Mức phân cấp quyết định, xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh tế, tài chính quy định tại Quy chế này là giá trị chưa bao gồm thuế VAT. Trong trường hợp có ủy quyền riêng, có quy chế riêng thì các đơn vị phụ thuộc được quyền thực hiện theo ủy quyền riêng, theo quy chế riêng hoặc thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

7. Nghiêm cấm các đơn vị phụ thuộc cố tình chia nhỏ các nghiệp vụ, các hoạt động kinh tế tài chính nhằm để các nghiệp vụ, các hoạt động kinh tế tài chính đó vẫn thuộc thẩm quyền quyết định, xử lý của mình.

8. Trong trường hợp lãnh đạo Tổng Công ty ký hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho nhu cầu SXKD của các đơn vị phụ thuộc thì các đơn vị có trách nhiệm trực tiếp theo dõi quá trình thực hiện hợp đồng từ khâu kiểm nhận hàng hóa, dịch vụ, theo dõi công nợ cho đến khi làm thủ tục đề nghị Tổng Công ty thanh toán hộ hoặc thanh toán trực tiếp cho nhà cung cấp (*Tùy theo phân cấp về quản lý tiền mặt, quản lý tiền gửi ngân hàng*).

9. Trong trường hợp lãnh đạo Tổng Công ty ký hợp đồng bán hàng hóa, dịch vụ cho các đơn vị phụ thuộc thì các đơn vị có trách nhiệm trực tiếp theo dõi quá trình thực hiện hợp đồng từ khâu chuyên giao hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng đến khi Hoàn tất bộ chứng từ bán hàng, chuyển lên Tổng Công ty để Tổng Công ty liên hệ thu tiền khách hàng.

#### **Điều 6. Quyền hạn nghĩa vụ và trách nhiệm của Giám đốc các đơn vị phụ thuộc**

1. Có quyền điều hành cao nhất trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh tại đơn vị theo sự phân cấp của Tổng Công ty.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Tổng Công ty trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị mình quản lý.

3. Xây dựng, trình Tổng Công ty quyết định và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của đơn vị.

4. Xây dựng, trình Tổng Công ty quyết định các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động và các định mức khác phù hợp với đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, ngành, nghề kinh doanh, mô hình tổ chức quản lý, trình độ trang bị của đơn vị.

5. Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng vốn, tài sản của đơn vị nhằm thu lợi riêng cho bản thân, gia đình và người khác. Không đem cho, tặng tài sản của đơn vị cho bất kỳ đối tượng nào.

6. Trường hợp Giám đốc các đơn vị phụ thuộc vi phạm các quy định hiện hành của Nhà nước, các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng Công ty Khánh Việt, Quy chế này và các quy định khác có



liên quan, quyết định vượt thẩm quyền, không đúng thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Nhà nước thì phải bồi thường.

7. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu báo cáo tài chính và các thông tin tài chính khác.

### **Điều 7. Các văn bản pháp luật liên quan**

Quy chế này được xây dựng dựa trên các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước. Khi Nhà nước sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn bản pháp luật liên quan thì nội dung các điều khoản của Quy chế này cũng mặc nhiên được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế theo tương ứng.

## **CHƯƠNG 2 QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN CỦA CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT**

### **Điều 8. Vốn điều lệ**

Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển và mở rộng quy mô, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa (sau đây viết tắt là UBND tỉnh) phê duyệt tăng vốn điều lệ cho Tổng Công ty.

#### **1. Nguyên tắc điều chỉnh tăng mức vốn điều lệ:**

- Việc xác định nhu cầu và điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty phải căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển và mở rộng quy mô, ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty theo kế hoạch, quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty phải trên cơ sở nhu cầu vốn để thực hiện dự án đầu tư, mua sắm tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty; nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất sản phẩm, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; nhu cầu vốn đầu tư ra ngoài Tổng Công ty theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Mức vốn điều lệ điều chỉnh tăng áp dụng tối thiểu cho 03 năm kể từ ngày được UBND tỉnh quyết định điều chỉnh vốn điều lệ và phải đảm bảo gắn với kế hoạch nguồn vốn để bổ sung đủ mức vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế hằng năm hoặc các nguồn hợp pháp khác theo quy định.

- Trường hợp sau 3 năm Tổng Công ty vẫn chưa đủ nguồn để bổ sung đủ vốn điều lệ đã được phê duyệt thì UBND tỉnh căn cứ vào tình hình của Tổng Công ty điều chỉnh lại mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển theo kế hoạch đã giao cho Tổng Công ty hoặc trong trường hợp cần thiết phải thực hiện nhiệm



vụ sản xuất kinh doanh đã được duyệt thì UBND tỉnh thực hiện việc cấp bổ sung vốn điều lệ còn thiếu cho Tổng Công ty theo quy định tại Khoản 4 Điều này.

2. Phương pháp xác định điều chỉnh tăng vốn điều lệ: Tổng Công ty xác định theo công thức chung như sau:

$$V_{\text{đl điều chỉnh lại}} = V_{\text{đl đã duyệt}} + \begin{matrix} 30\% \text{ tổng nhu cầu vốn} \\ \text{đầu tư, mua sắm hình} \\ \text{thành tài sản phục vụ} \\ \text{hoạt động kinh doanh} \\ \text{chính của Tổng Công ty} \end{matrix} + V_{\text{sxsp-kdhhđv}}$$

Trong đó:

-  $V_{\text{đl đã duyệt}}$  là mức vốn điều lệ đã được UBND tỉnh phê duyệt trước khi điều chỉnh.

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư, mua sắm hình thành tài sản phục vụ hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm:

+ Tổng mức đầu tư của các dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với các dự án có thời gian thực hiện trên 03 năm thì mức đầu tư làm căn cứ xác định lại mức vốn điều lệ cho Tổng Công ty chỉ tính theo nhu cầu vốn để thực hiện dự án trong khoảng thời gian điều chỉnh vốn điều lệ 03 năm (không tính theo mức đầu tư của toàn bộ dự án).

+ Trường hợp dự án đầu tư đã hoàn thành nhưng chưa đưa vào xác định vốn điều lệ của lần điều chỉnh trước thì được đưa vào xác định điều chỉnh vốn điều lệ lần này.

+ Các dự án, công trình xây dựng đầu tư bằng nguồn vốn hỗn hợp trong đó có vốn Ngân sách nhà nước đầu tư thì căn cứ vào mức vốn được Ngân sách nhà nước đầu tư cho dự án để ghi tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty.

+ Trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình do đơn vị khác làm chủ đầu tư bàn giao cho Tổng Công ty quản lý, khai thác, sử dụng thì toàn bộ vốn nhà nước đã đầu tư vào dự án đó theo quyết toán dự án đầu tư xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt được tính vào mức vốn điều lệ điều chỉnh tăng.

+ Trường hợp dự án đầu tư đang thực hiện được cấp có thẩm quyền quyết định tạm dừng hoặc điều chỉnh quy mô dự án thì Tổng Công ty phải căn cứ nhu cầu vốn đầu tư dự án theo quyết định điều chỉnh của cấp có thẩm quyền để xác định (điều chỉnh lại) mức vốn điều lệ của Tổng Công ty.

+ Trường hợp Tổng Công ty có các phương án đầu tư ra ngoài Tổng Công ty đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì căn cứ vào tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty tại công ty con, công ty liên kết để tính vào tổng mức vốn đầu tư các dự án khi xác định mức vốn điều lệ của Tổng Công ty.



-  $V_{\text{sxsp-kdhdvd}}$  là nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất sản phẩm, kinh doanh hàng hóa dịch vụ của Tổng Công ty.

Phương pháp xác định như sau:

Mức chênh lệch tăng giữa tổng nhu cầu vốn sản xuất sản phẩm, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đến năm thứ 3 kể từ năm xác định lại mức vốn điều lệ so với nhu cầu vốn sản xuất sản phẩm, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện của năm trước liền kề năm thực hiện xác định lại mức vốn điều lệ.

$$V_{\text{sxsp-hhkd}} = 30\% \times$$

Mức chênh lệch tăng giữa tổng nhu cầu vốn sản xuất sản phẩm, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đến năm thứ 3 kể từ năm xác định lại mức vốn điều lệ so với nhu cầu vốn sản xuất sản phẩm, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện của năm trước liền kề năm xác định lại mức vốn điều lệ được tính toán căn cứ vào doanh thu thực hiện của hoạt động sản xuất, kinh doanh trong báo cáo tài chính của Tổng Công ty đã được kiểm toán của năm trước liền kề năm xác định lại mức vốn điều lệ và tỷ lệ tăng trưởng doanh thu bình quân năm theo kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tính đến năm thứ 3 kể từ năm xác định lại mức vốn điều lệ.

### 3. Hồ sơ, trình tự phê duyệt:

Hồ sơ gồm:

- Quyết định phê duyệt mức vốn điều lệ của UBND tỉnh trước khi điều chỉnh tăng mức vốn điều lệ của Tổng Công ty .

- Phương án điều chỉnh mức vốn điều lệ của Tổng Công ty gồm:

+ Văn bản giải trình phương pháp xác định mức vốn điều lệ điều chỉnh và các tài liệu liên quan chứng minh kèm theo (như quyết định phê duyệt kế hoạch 5 năm; các quyết định liên quan đến phê duyệt các dự án đầu tư xây dựng hoặc quyết định liên quan về việc tạm dừng dự án đầu tư, quyết định điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh, nhiệm vụ Nhà nước giao...).

+ Giải trình các nguồn vốn để bổ sung vốn điều lệ (Theo quy định tại Khoản 4 Điều này).

- Báo cáo tài chính quý, năm tại thời điểm điều chỉnh vốn điều lệ và năm trước liền kề năm điều chỉnh vốn điều lệ của Tổng Công ty đã được kiểm toán.

Trình tự phê duyệt:

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ của Tổng Công ty, UBND tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ đảm bảo theo quy định, thẩm định số liệu và quyết định điều chỉnh mức vốn điều lệ cho Tổng Công ty theo thẩm quyền.

- Trong quá trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ điều chỉnh mức vốn điều lệ cho Tổng Công ty, trường hợp hồ sơ của Tổng Công ty không đảm bảo theo quy định thì trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ, UBND tỉnh và các cơ



quan có liên quan, có văn bản đề nghị Tổng Công ty bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ theo đúng quy định. Trường hợp UBND tỉnh và cơ quan có liên quan không chấp nhận hồ sơ điều chỉnh vốn điều lệ của Tổng Công ty thì phải có văn bản (nêu rõ lý do) trả lời Tổng Công ty.

**4. Quyền, trách nhiệm bổ sung vốn điều lệ:**

a) Tổng Công ty được sử dụng nguồn Quỹ đầu tư phát triển để tự bổ sung vốn điều lệ phần còn thiếu sau khi được UBND tỉnh phê duyệt mức vốn điều lệ. Trường hợp sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty (nếu có) để bổ sung vốn điều lệ phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép bằng văn bản.

b) UBND tỉnh thực hiện cấp vốn điều lệ phần còn thiếu cho Tổng Công ty sau khi Tổng Công ty đã bổ sung từ các nguồn quy định tại Điểm a Khoản này. Trường hợp đề nghị cấp vốn điều lệ từ ngân sách trung ương hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác do trung ương quản lý thì UBND tỉnh phải có phương án báo cáo Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

**Điều 9. Huy động vốn**

1. Hình thức huy động vốn: Phát hành trái phiếu; vay vốn của các tổ chức tín dụng, các tổ chức tài chính khác, của cá nhân, tổ chức ngoài Tổng Công ty; vay vốn của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

**2. Nguyên tắc huy động vốn:**

a) Việc huy động vốn phải có phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo khả năng thanh toán nợ. Người phê duyệt phương án huy động vốn phải chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đảm bảo vốn huy động được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng và có hiệu quả.

b) Việc vay vốn của tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước, Tổng Công ty phải thực hiện thông qua hợp đồng vay vốn với tổ chức kinh tế, cá nhân cho vay theo quy định của pháp luật; mức lãi suất vay vốn trong nước tối đa không vượt quá mức lãi suất cho vay cùng thời hạn của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản giao dịch tại thời điểm vay vốn; trường hợp Tổng Công ty mở tài khoản giao dịch ở nhiều ngân hàng thì mức lãi suất huy động vốn trực tiếp tối đa không được vượt quá lãi suất cho vay cao nhất cùng thời hạn của ngân hàng thương mại mà Tổng Công ty mở tài khoản giao dịch.

c) Việc huy động vốn của các tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện theo các quy định của pháp luật về vay trả nợ nước ngoài. Các khoản tự vay tự trả của Tổng Công ty thực hiện theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về vay nợ nước ngoài có liên quan. UBND tỉnh phê duyệt chủ trương vay nợ nước ngoài của Tổng Công ty và đề nghị Bộ Tài chính thẩm định, chấp thuận.



d) Việc huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu để phục vụ cho ngành nghề kinh doanh chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp quy định tại Luật doanh nghiệp và các văn bản có liên quan đến phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

**3. Thẩm quyền phê duyệt phương án huy động vốn:**

a) Tổng Công ty được quyền chủ động huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh đảm bảo hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty không vượt quá 3 lần, bao gồm cả các khoản bảo lãnh vay vốn đối với các công ty con do Tổng Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ hoặc các công ty con có cổ phần, vốn góp chi phối của Tổng Công ty theo quy định tại Khoản 4 Điều này. Trong đó:

- Tổng Giám đốc quyết định phương án huy động vốn có giá trị dưới 300 tỷ đồng và hợp đồng tín dụng theo hạn mức đối với ngân hàng có giá trị dưới 50% vốn điều lệ Tổng Công ty.

- Hội đồng thành viên quyết định phương án huy động vốn có giá trị từ 300 tỷ đồng đến dưới 50% vốn điều lệ Tổng Công ty.

- Hội đồng thành viên quyết định sau khi UBND tỉnh phê duyệt chủ trương phương án huy động vốn có giá trị từ 50% vốn điều lệ Tổng Công ty trở lên.

b) Trường hợp Tổng Công ty có tổng nhu cầu huy động vốn vượt quy định tại Điểm a Khoản này để đầu tư các dự án quan trọng phải báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định trên cơ sở các dự án huy động vốn phải đảm bảo khả năng trả nợ và có hiệu quả. UBND tỉnh có trách nhiệm thông báo cho Bộ Tài chính để phối hợp theo dõi và giám sát.

**4. Tổng Công ty được quyền bảo lãnh cho các công ty con do Tổng Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ hoặc các công ty con có cổ phần, vốn góp chi phối của Tổng Công ty vay vốn tại Ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Trong đó:**

a) Công ty con được Tổng Công ty bảo lãnh phải có tình hình tài chính lành mạnh, không có các khoản nợ quá hạn; việc bảo lãnh vay vốn để thực hiện dự án đầu tư phải trên cơ sở thẩm định hiệu quả dự án; Các công ty con được bảo lãnh phải có cam kết về bảo đảm khả năng trả nợ đối với khoản vay được bảo lãnh.

b) Tổng Công ty có thể bảo lãnh cho từng khoản vay của công ty con theo tỷ lệ (%) góp vốn của Tổng Công ty trong vốn điều lệ của công ty con và tổng giá trị các khoản bảo lãnh đối với một công ty con không vượt quá số vốn góp thực tế của Tổng Công ty tại công ty con.

Đồng thời, tổng giá trị các khoản bảo lãnh đối với các công ty con không vượt quá vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty và trong phạm vi hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu đã quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này.



c) Số vốn góp thực tế của Tổng Công ty tại công ty con được xác định:

- Đối với công ty con do Tổng Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ thì giá trị vốn góp thực tế của Tổng Công ty được xác định căn cứ vào vốn chủ sở hữu (mã 410) trên bảng cân đối kế toán trong Báo cáo tài chính Quý gần nhất với thời điểm bảo lãnh của công ty con.

- Đối với công ty con có cổ phần, vốn góp chi phối của Tổng Công ty là giá trị vốn góp thực tế của Tổng Công ty được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu (mã 410) trên bảng cân đối kế toán của Báo cáo tài chính quý gần nhất với thời điểm bảo lãnh của công ty con nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty theo vốn điều lệ công ty con được bảo lãnh.

d) Trường hợp Tổng Công ty bảo lãnh vượt quá mức quy định nêu trên hoặc quyết định bảo lãnh dẫn đến thất thoát vốn, tài sản của Tổng Công ty thì người có thẩm quyền quyết định bảo lãnh chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

### **Điều 10. Đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định**

Tổng Công ty phải xây dựng kế hoạch các dự án đầu tư phát triển 5 năm, trình UBND tỉnh phê duyệt.

1. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định:

- Hội đồng thành viên quyết định phê duyệt các dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định có giá trị từ 01 tỷ đồng đến dưới 50% vốn điều lệ Tổng Công ty, nhưng không quá mức dự án nhóm B theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng. Các dự án lớn hơn mức phân cấp cho Hội đồng thành viên do UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Tổng Giám đốc quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định có giá trị dưới 01 tỷ đồng.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản cố định không gắn với dự án đầu tư:

- Hội đồng thành viên quyết định các hợp đồng mua sắm tài sản cố định không gắn với dự án đầu tư có giá trị từ 05 tỷ đồng đến dưới 50% vốn điều lệ Tổng Công ty.

- Tổng Giám đốc quyết định các hợp đồng mua sắm tài sản cố định không gắn với dự án đầu tư có giá trị từ trên mức phân cấp cho Giám đốc các đơn vị phụ thuộc đến dưới 05 tỷ đồng.

- Giám đốc các đơn vị phụ thuộc nhóm 1 quyết định các hợp đồng mua sắm tài sản cố định không gắn với dự án đầu tư có giá trị dưới 100 triệu đồng, đồng thời tổng nguyên giá dưới 200 triệu đồng/quý.



- Giám đốc các đơn vị phụ thuộc nhóm 2 quyết định các hợp đồng mua sắm tài sản cố định không gắn với dự án đầu tư có giá trị dưới 70 triệu đồng, đồng thời tổng nguyên giá dưới 140 triệu đồng/quý.

- Giám đốc các đơn vị phụ thuộc nhóm 3 quyết định các hợp đồng mua sắm tài sản cố định không gắn với dự án đầu tư có giá trị dưới 50 triệu đồng, đồng thời tổng nguyên giá dưới 100 triệu đồng/quý.

3. Trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng.

4. Đầu tư, mua sắm phương tiện đi lại phục vụ hoạt động của Tổng Công ty:

Các chức danh là Viên chức quản lý Tổng Công ty sử dụng phương tiện đi lại đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc, sử dụng phương tiện đi lại khi đi công tác, sử dụng phương tiện đi lại phục vụ công tác chung của Tổng Công ty thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Việc trang bị hoặc thay thế phương tiện đi lại do Hội đồng thành viên quyết định theo quy định hiện hành.

5. Người quyết định việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định chịu trách nhiệm nếu việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định không phù hợp, lạc hậu kỹ thuật, không sử dụng được.

6. Đối với ngành kinh doanh đặc thù có quy định riêng về đầu tư, mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản cố định theo chuyên ngành, ngoài việc thực hiện quy định nêu trên còn phải thực hiện theo quy định của văn bản pháp luật chuyên ngành.

### **Điều 11. Quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Các đơn vị phụ thuộc thực hiện việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định trong quá trình hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật *(Tại thời điểm ban hành Quy chế này, việc quản lý sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định)*.

### **Điều 12. Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản**

1. Tổng Công ty được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của Tổng Công ty theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của pháp luật.

a) Hội đồng thành viên quyết định các hợp đồng cho thuê tài sản có giá trị từ 05 tỷ đồng đến dưới 50% vốn điều lệ Tổng Công ty. Tổng Giám đốc quyết định các hợp đồng cho thuê tài sản có giá trị dưới 05 tỷ đồng.

b) Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản của Tổng Công ty để thế chấp, cầm cố vay vốn thực hiện theo quy định Điều 9 Quy chế này.

19-C  
G  
TY  
VIỆ  
KHẨ



2. Việc sử dụng tài sản để cho thuê, thế chấp, cầm cố phải tuân theo đúng các quy định của Bộ luật dân sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 13. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định**

#### **1. Tài sản thanh lý, nhượng bán:**

Các đơn vị phụ thuộc được quyền chủ động thực hiện nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được để thu hồi vốn trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn.

Trường hợp khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các đơn vị phụ thuộc phải dỡ bỏ hoặc hủy bỏ tài sản cố định cũ thì việc xử lý và hạch toán tài sản cố định cũ khi dỡ bỏ hoặc hủy bỏ thực hiện như đối với trường hợp thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

#### **2. Trình tự, thủ tục thực hiện thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:**

- Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản cố định gồm: Tổng Giám đốc (hoặc Giám đốc các đơn vị phụ thuộc), Kế toán trưởng, các trưởng phòng có liên quan và một số chuyên gia am hiểu về tính năng kỹ thuật của tài sản cố định (nếu cần).

- Nhiệm vụ của Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản cố định như sau:

+ Lập biên bản ghi đầy đủ các thông tin liên quan đến tài sản cố định như: tên, nhãn hiệu, quy cách, công suất, nước sản xuất, năm sản xuất (xây dựng), thời điểm đưa vào sử dụng, nơi sử dụng, số lượng, nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế, giá trị còn lại, nguồn vốn, đánh giá thực trạng về mặt kỹ thuật, chất lượng; xác định lý do phải nhượng bán, thanh lý; Xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan đến trường hợp tài sản cố định mới đầu tư không mang lại hiệu quả kinh tế phải nhượng bán nhưng không có khả năng thu hồi đủ vốn đầu tư, tài sản chưa khấu hao hết đã bị hư hỏng không thể sửa chữa được phải thanh lý, nhượng bán để báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định.

+ Tổ chức xác định hoặc thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá để xác định giá trị có thể thu được của tài sản thanh lý, nhượng bán.

+ Tổ chức bán đấu giá hoặc thuê tổ chức có chức năng bán đấu giá các loại tài sản thanh lý nhượng bán một cách công khai, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại ghi trên sổ kế toán dưới 100 triệu đồng, Tổng Giám đốc/ Giám đốc các đơn vị phụ thuộc quyết định lựa chọn bán theo phương thức đấu giá hoặc thỏa thuận nhưng không thấp hơn giá thị trường. Trường hợp tài sản cố định không có giao dịch trên thị trường thì được thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá làm cơ sở bán tài sản theo các phương thức trên.



- Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản tự kết thúc hoạt động sau khi hoàn tất việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

3. Việc hạch toán doanh thu và chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 28 và Khoản 2 Điều 29 của Quy chế này.

4. Thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:

a) Hội đồng thành viên quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại từ 05 tỷ đồng đến dưới 50% vốn điều lệ Tổng Công ty nhưng không vượt quá mức dự án nhóm B.

Tổng Giám đốc quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại từ 100 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng.

Giám đốc các đơn vị phụ thuộc quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại dưới 100 triệu đồng sau khi được Tổng Giám đốc phê duyệt danh mục các tài sản cố định thanh lý, nhượng bán.

Các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức phân cấp cho Hội đồng thành viên thì Hội đồng thành viên báo cáo UBND tỉnh quyết định.

b) Trường hợp phương án nhượng bán tài sản cố định không có khả năng thu hồi đủ vốn đã đầu tư, Tổng Giám đốc/ Giám đốc các đơn vị phụ thuộc phải giải trình rõ nguyên nhân không có khả năng thu hồi vốn báo cáo chủ sở hữu và cơ quan tài chính trước khi nhượng bán tài sản cố định để thực hiện giám sát.

c) Riêng trường hợp tài sản cố định mới đầu tư do không mang lại hiệu quả kinh tế theo như phương án phê duyệt ban đầu, Công ty mẹ/ Các đơn vị phụ thuộc không có nhu cầu tiếp tục khai thác sử dụng mà việc nhượng bán tài sản không có khả năng thu hồi đủ vốn đầu tư dẫn tới không trả được nợ vay theo kế ước hoặc hợp đồng vay vốn thì phải làm rõ trách nhiệm của những người có liên quan để báo cáo UBND tỉnh xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Đối với việc nhượng bán thanh lý tài sản của một số ngành đặc thù (sản xuất thuốc lá, tàu biển, hàng không...) thì ngoài việc chấp hành quy định của Quy chế này còn phải thực hiện theo quy định của văn bản pháp luật chuyên ngành.

#### **Điều 14. Quản lý hàng hóa tồn kho**

1. Hàng hóa tồn kho là hàng hóa mua về để bán còn tồn lại, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho hoặc đã mua đang đi trên đường, sản phẩm dở dang trong quá trình sản xuất, sản phẩm hoàn thành nhưng chưa nhập kho, thành phẩm tồn kho, thành phẩm đang gửi bán.

2. Các đơn vị phụ thuộc phải xây dựng quy chế về quản lý các loại hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho, đang đi trên đường; sản phẩm dở dang trong quá trình sản xuất, sản phẩm hoàn thành nhưng chưa nhập



kho, thành phẩm tồn kho, thành phẩm đang gửi bán. Quy chế phải xác định rõ việc phối hợp của từng bộ phận quản lý trong đơn vị và trách nhiệm của từng bộ phận, từng cá nhân có liên quan trong việc theo dõi, quản lý tài sản của đơn vị nêu trên.

3. Thủ tục mua hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Thẩm quyền quyết định mua hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ :

- Hội đồng thành viên quyết định các hợp đồng mua hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ có giá trị từ 300 tỷ đồng đến dưới 50% vốn điều lệ Tổng Công ty.

- Tổng Giám đốc quyết định các hợp đồng mua hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ có giá trị từ trên mức phân cấp cho Giám đốc các đơn vị phụ thuộc đến dưới 300 tỷ đồng.

- Giám đốc các đơn vị phụ thuộc nhóm 1 quyết định các hợp đồng mua hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ có giá trị dưới 200 triệu đồng.

- Giám đốc các đơn vị phụ thuộc nhóm 2 quyết định các hợp đồng mua hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ có giá trị dưới 150 triệu đồng.

- Giám đốc các đơn vị phụ thuộc nhóm 3 quyết định các hợp đồng mua hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ có giá trị dưới 100 triệu đồng.

5. Các đơn vị phụ thuộc được quyền chủ động và chịu trách nhiệm xử lý ngay những hàng hóa tồn kho kém, mất phẩm chất, lạc hậu mốt, lạc hậu kỹ thuật, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 13 Quy chế này.

6. Đối với hàng hóa tồn kho thuộc đối tượng trích lập dự phòng thì việc trích lập và sử dụng dự phòng giảm giá hàng tồn kho thực hiện theo quy định của pháp luật (Tại thời điểm ban hành Quy chế này, việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho thực hiện theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp).

#### **Điều 15. Quản lý các khoản nợ phải thu, nợ phải trả**

Các đơn vị phụ thuộc thực hiện việc quản lý các khoản nợ phải thu, nợ phải trả thực hiện theo quy định của pháp luật và của Tổng Công ty Khánh Việt (Tại thời điểm ban hành Quy chế này, việc quản lý các khoản nợ phải thu, nợ phải trả thực hiện theo quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Quy chế Quản lý nợ Ban hành kèm theo Quyết định

AB  
TỔ  
ÔN  
IÁN  
BANK



số 32/QĐ-HDTV ngày 8/04/2014 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Khánh Việt và các quy định pháp luật liên quan).

### **Điều 16. Chênh lệch tỷ giá**

Các đơn vị phụ thuộc thực hiện việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện theo quy định của pháp luật (Tại thời điểm ban hành Quy chế này, việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp).

### **Điều 17. Kiểm kê tài sản**

1. Các đơn vị phụ thuộc phải tổ chức kiểm kê định kỳ hoặc đột xuất để xác định số lượng tài sản (tài sản cố định và đầu tư dài hạn, tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn), đối chiếu các khoản công nợ phải thu, phải trả trong các trường hợp: Khi khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm; khi thực hiện quyết định chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi sở hữu; sau khi xảy ra thiên tai, địch họa; hoặc vì lý do nào đó gây ra biến động tài sản của đơn vị; hoặc theo quy định của Nhà nước. Thống kê tài sản thừa, thiếu, nợ không thu hồi được, nợ quá hạn xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tổ chức và cá nhân có liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định.

#### **2. Xử lý kiểm kê**

##### **a) Xử lý tổn thất tài sản sau kiểm kê**

Tổn thất về tài sản là tài sản bị mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, kém mất phẩm chất, lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật, tồn kho ứ đọng được xác định trong kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất. Các đơn vị phụ thuộc phải xác định giá trị đã bị tổn thất, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:

- Nếu do nguyên nhân chủ quan thì người gây ra tổn thất phải bồi thường, xử lý theo quy định của pháp luật. Hội đồng thành viên quyết định mức bồi thường theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

- Tài sản đã mua bảo hiểm nếu tổn thất thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm;

- Giá trị tài sản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm, phần thiếu được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ;

- Những trường hợp đặc biệt do thiên tai hoặc do nguyên nhân bất khả kháng gây thiệt hại nghiêm trọng, Tổng Công ty không thể tự khắc phục được thì Hội đồng thành viên lập phương án xử lý tổn thất trình UBND tỉnh và Sở Tài chính. Sau khi có ý kiến của Sở Tài chính, UBND tỉnh quyết định việc xử lý tổn thất theo thẩm quyền;



- Các đơn vị phụ thuộc có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tổn thất tài sản, trường hợp để các khoản tổn thất tài sản không được xử lý thì Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc các đơn vị phụ thuộc chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu như trường hợp báo cáo không trung thực tình hình tài chính của đơn vị.

**b) Tài sản thừa sau kiểm kê**

Tài sản thừa sau kiểm kê là chênh lệch giữa số tài sản thực tế kiểm kê với số tài sản ghi trên sổ sách kế toán, giá trị tài sản thừa do kiểm kê được hạch toán vào thu nhập của đơn vị.

**Điều 18. Đánh giá lại tài sản**

1. Việc đánh giá lại tài sản thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- b) Thực hiện chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp: cổ phần hóa, bán hoặc chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp theo các hình thức khác.
- c) Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định của Nhà nước. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định đối với từng trường hợp cụ thể.

**Điều 19. Đầu tư vốn ra ngoài Tổng Công ty**

1. Nguyên tắc đầu tư vốn ra ngoài Tổng Công ty

a) Tổng Công ty được quyền sử dụng tài sản thuộc quyền quản lý của Tổng Công ty đã được đầu tư bằng nguồn vốn của Tổng Công ty để đầu tư ra ngoài Tổng Công ty. Việc sử dụng tài sản có liên quan đến đất đai để đầu tư ra ngoài Tổng Công ty phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai.

Tổng Công ty không được sử dụng tài sản do Tổng Công ty đang đi thuê hoạt động, đi mượn, nhận giữ hộ, nhận gia công, nhận bán đại lý, ký gửi để đầu tư ra ngoài Tổng Công ty.

b) Việc đầu tư vốn của Tổng Công ty vào doanh nghiệp khác phải tuân thủ theo quy định của pháp luật, phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của Tổng Công ty, không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty được UBND tỉnh giao và đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư.

c) Tổng Công ty không được góp vốn hoặc đầu tư vào lĩnh vực bất động sản (trừ trường hợp có ngành nghề kinh doanh chính là lĩnh vực bất động sản), không được góp vốn, mua cổ phần tại ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, Quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư chứng khoán hoặc công ty đầu



tư chứng khoán, trừ những trường hợp đặc biệt theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

**d)** Trường hợp đã góp vốn, đầu tư vào các lĩnh vực quy định tại Điểm c Khoản này không thuộc trường hợp được Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư phải có phương án cơ cấu lại và thực hiện thoái hết số vốn đã đầu tư theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

**đ)** Tổng Công ty không được tham gia góp vốn mua cổ phần của các doanh nghiệp khác mà người quản lý, điều hành hoặc người sở hữu chính của doanh nghiệp này là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị em ruột của Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc/ Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc/ Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Tổng Công ty.

**e)** Đối với các khoản đầu tư ra ngoài Tổng Công ty, khi Tổng Công ty được nhận số lượng cổ phiếu do các công ty cổ phần phát hành mà không phải thanh toán tiền (kể cả số lượng cổ phiếu đã nhận được đang theo dõi bằng số lượng trong thuyết minh báo cáo tài chính định kỳ theo quy định), Tổng Công ty phải theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của Tổng Công ty, cụ thể:

- Đối với cổ phiếu nhận được do công ty cổ phần chia cổ tức (chia cổ tức bằng cổ phiếu) Tổng Công ty hạch toán tăng doanh thu hoạt động tài chính và tăng giá trị khoản đầu tư ra ngoài Tổng Công ty tương ứng với số tiền cổ tức được chia.

- Đối với cổ phiếu nhận được không phải thanh toán còn lại (cổ phiếu nhận được không phải do chia cổ tức), Tổng Công ty căn cứ số lượng cổ phiếu nhận được và mệnh giá cổ phiếu để ghi tăng doanh thu hoạt động tài chính và tăng giá trị khoản đầu tư ra ngoài Tổng Công ty.

**2.** Các hình thức đầu tư vốn ra ngoài Tổng Công ty:

**a)** Góp vốn, mua cổ phần để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới.

**b)** Mua cổ phần hoặc góp vốn tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh đang hoạt động.

**c)** Mua lại một doanh nghiệp khác để hình thành một pháp nhân mới.

**d)** Mua công trái, trái phiếu để hưởng lãi.

**đ)** Các hình thức đầu tư khác ra ngoài doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

**3.** Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư vốn ra ngoài Tổng Công ty:

**a)** Hội đồng thành viên quyết định các dự án đầu tư ra ngoài Tổng Công ty trong phạm vi tổng giá trị các dự án đầu tư ra ngoài Tổng Công ty dưới 50% vốn điều lệ Tổng Công ty sau khi đã được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương.

**b)** UBND tỉnh quyết định việc góp vốn liên doanh với nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; đầu tư hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp ở nước ngoài;



quyết định việc mua lại doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác; đầu tư vào doanh nghiệp được thành lập để thực hiện chủ yếu, thường xuyên, ổn định các sản phẩm, dịch vụ công ích, phục vụ quốc phòng, an ninh; quyết định các dự án đầu tư tài chính khác còn lại không thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên.

4. Ngoài các trường hợp không được tham gia góp vốn theo quy định tại các Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều này, Tổng Công ty còn bị hạn chế các hình thức nhận góp vốn đầu tư như sau:

a) Tổng Công ty không được nhận vốn góp đầu tư của công ty con.

b) Công ty con do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ, các đơn vị phụ thuộc Tổng Công ty không được góp vốn cùng Tổng Công ty để thành lập doanh nghiệp mới, không được góp vốn mua cổ phần khi cổ phần hóa công ty con khác trong cùng Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con Tổng Công ty Khánh Việt.

UBND tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư ra ngoài Tổng Công ty theo quy định Trường hợp Tổng Công ty có hoạt động đầu tư vốn ra bên ngoài không đúng đối tượng nhưng không thực hiện điều chỉnh cơ cấu đầu tư như quy định tại Khoản 1 Điều này thì UBND tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định và xử lý trách nhiệm đối với Hội đồng thành viên theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **Điều 20. Chuyển nhượng các khoản đầu tư vốn ra ngoài Tổng Công ty**

Việc nhượng bán các khoản đầu tư vốn ra ngoài Tổng Công ty thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định hiện hành của pháp luật, trong đó:

1. Phương thức chuyển nhượng các khoản đầu tư vốn ra ngoài Tổng Công ty:

Tùy theo hình thức góp vốn, Tổng Công ty thực hiện chuyển nhượng các khoản đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ của doanh nghiệp có vốn góp và các cam kết tại các hợp đồng hợp tác kinh doanh của các bên.

a) Đối với việc chuyển nhượng vốn của Tổng Công ty tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên để trở thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thực hiện theo hình thức đấu giá công khai hoặc thỏa thuận trực tiếp:

- Đấu giá công khai khi chuyển nhượng vốn có giá trị tính theo mệnh giá từ 10 tỷ đồng trở lên thì Tổng Công ty phải thực hiện đấu giá qua Sở Giao dịch chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng phần vốn có giá trị tính theo mệnh giá dưới 10 tỷ đồng thì Tổng Công ty được lựa chọn thuê tổ chức tài chính trung



gian (các công ty chứng khoán) bán đấu giá, hoặc tự tổ chức đấu giá tại Tổng Công ty, hoặc thực hiện đấu giá tại Sở Giao dịch chứng khoán.

- Việc bán thỏa thuận trực tiếp giữa Tổng Công ty (hoặc cơ quan chức năng được Tổng Công ty ủy quyền, giao nhiệm vụ bằng văn bản) với nhà đầu tư chỉ được thực hiện trong trường hợp sau khi tổ chức đấu giá công khai nhưng chỉ có một nhà đầu tư đăng ký mua hoặc trường hợp được Thủ tướng Chính phủ cho phép bán thỏa thuận trực tiếp và phải đảm bảo giá bán sát với giá trị trường tại thời điểm bán; trong trường hợp này, giá thị trường tại thời điểm bán cần căn cứ vào báo giá của ít nhất 03 công ty chứng khoán có thực hiện giao dịch chứng khoán của công ty cổ phần có vốn góp của Tổng Công ty, trường hợp không có giao dịch thì giá bán không thấp hơn giá ghi trên sổ sách kế toán của Tổng Công ty.

Khi chuyển nhượng vốn theo hình thức thỏa thuận trực tiếp thì người có thẩm quyền quyết định chuyển nhượng vốn không được quyết định chuyển nhượng cho doanh nghiệp trong đó có vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột là người quản lý doanh nghiệp này và không được quyết định chuyển nhượng cho các cá nhân là người có quan hệ như trên.

- Việc xác định giá khởi điểm đối với phần vốn Tổng Công ty trước khi tổ chức bán đấu giá công khai hoặc thỏa thuận được thực hiện thông qua tổ chức có chức năng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá phải đảm bảo nguyên tắc xác định đầy đủ giá trị thực tế phần vốn Tổng Công ty tại doanh nghiệp bao gồm cả giá trị được tạo bởi giá trị quyền sử dụng đất giao hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật về đất đai và giá trị các quyền sở hữu trí tuệ (nếu có) của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, tại thời điểm chuyển nhượng vốn.

b) Đối với việc chuyển nhượng vốn của Tổng Công ty tại công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên:

- Trường hợp Tổng Công ty yêu cầu công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên mua lại phần vốn góp của mình thì việc xác định giá chuyển nhượng thực hiện theo quy định tại Điều 43 của Luật doanh nghiệp năm 2005.

- Trường hợp Tổng Công ty chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho thành viên khác hoặc chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân không phải là thành viên trong công ty thì phải thực hiện theo Điều 44 Luật Doanh nghiệp năm 2005, trong đó:

+ Nếu chuyển nhượng cho các thành viên khác trong công ty thì Tổng Công ty thỏa thuận giá chuyển nhượng với các thành viên khác. Việc xác định giá bán thỏa thuận trên cơ sở kết quả thẩm định giá của tổ chức có chức năng thẩm định giá theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.



+ Nếu chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân không phải là thành viên trong công ty thì thực hiện bán đấu giá công khai hoặc thỏa thuận trực tiếp theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

c) Đối với việc chuyển nhượng vốn của Tổng Công ty tại công ty cổ phần thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Đối với công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch Upcom thì việc chuyển nhượng vốn (chuyển nhượng cổ phiếu) thực hiện theo phương thức giao dịch khớp lệnh hoặc thỏa thuận theo quy định của Pháp luật về chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng theo phương thức thỏa thuận thì giá thỏa thuận phải nằm trong biên độ giá giao dịch của mã chứng khoán tại ngày chuyển nhượng.

- Đối với công ty cổ phần chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch Upcom thì việc chuyển nhượng vốn thực hiện theo phương thức bán đấu giá công khai hoặc bán thỏa thuận trực tiếp theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

2. Thẩm quyền quyết định chuyển nhượng vốn Tổng Công ty đầu tư vào các doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng Công ty Khánh Việt. Giá chuyển nhượng các khoản đầu tư theo nguyên tắc giá thị trường nhưng không thấp hơn giá ghi trên sổ sách kế toán của Tổng Công ty. Trong đó:

+ Trường hợp giá chuyển nhượng dự kiến sẽ thu được sát với giá thị trường (giá đã được thẩm định theo các quy định của pháp luật về thẩm định giá, tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam), nhưng vẫn thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của Tổng Công ty:

- Nếu Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng theo quy định và khoản trích lập dự phòng bằng hoặc lớn hơn chênh lệch giữa giá bán dự kiến thu được so với giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì Hội đồng thành viên quyết định chuyển nhượng để thu hồi vốn đầu tư ra ngoài.

- Nếu Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng theo quy định nhưng khoản trích lập dự phòng nhỏ hơn chênh lệch giữa giá bán dự kiến thu được so với giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì Hội đồng thành viên phải báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định trước khi thực hiện chuyển nhượng.

+ Đối với chuyển nhượng các loại công trái, trái phiếu mà Tổng Công ty đã đầu tư để hưởng lãi thì việc chuyển nhượng thực hiện theo quy định khi phát hành hoặc phương án phát hành của tổ chức (chủ thể) phát hành. Trường hợp Tổng Công ty chuyển nhượng trái phiếu trước kỳ hạn thì giá chuyển nhượng phải đảm bảo nguyên tắc thu hồi đủ giá trị đã đầu tư và có lãi.

Riêng việc chuyển nhượng trái phiếu đã được đăng ký lưu ký, niêm yết và giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán, Tổng Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.



3. Hạch toán tiền thu chuyển nhượng các khoản đầu tư ra ngoài Tổng Công ty:

Tiền thu về chuyển nhượng các khoản đầu tư ra ngoài Tổng Công ty sau khi trừ giá trị vốn đầu tư ghi trên sổ sách kế toán của Tổng Công ty, chi phí chuyển nhượng, nghĩa vụ thuế và chính sách đối với người lao động dư theo quy định của pháp luật, số tiền còn lại Tổng Công ty hạch toán vào kết quả kinh doanh.

**Điều 21. Quyền, trách nhiệm của Tổng Công ty khi đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác; Quyền, trách nhiệm, thù lao, tiền lương, tiền thưởng, quyền lợi, tiêu chuẩn và chế độ báo cáo của Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác**

1. Khi đầu tư vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ, Tổng Công ty thực hiện các quyền, trách nhiệm theo quy định của Luật doanh nghiệp.

2. Khi đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác, Tổng Công ty thực hiện các quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu đối với vốn Tổng Công ty Khánh Việt đầu tư vào các doanh nghiệp khác thông qua người đại diện, trong đó:

a) Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp khác.

b) Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện tại doanh nghiệp khác, quyết định tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các vấn đề đãi ngộ đối với Người đại diện, trừ trường hợp Người đại diện đã được hưởng lương từ doanh nghiệp khác.

c) Yêu cầu Người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình kết quả kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp khác.

d) Giao nhiệm vụ và chỉ đạo Người đại diện bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của Tổng Công ty tại doanh nghiệp khác. Yêu cầu Người đại diện báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm người đại diện, nhất là trong việc định hướng doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối để thực hiện các mục tiêu, chiến lược của Tổng Công ty; Có ý kiến chỉ đạo bằng văn bản khi Người đại diện xin ý kiến.

đ) Kiểm tra, giám sát hoạt động Người đại diện, phát hiện những thiếu sót, yếu kém Người đại diện để ngăn chặn, xử lý và chấn chỉnh kịp thời.

e) Trình UBND tỉnh quyết định hoặc trình UBND tỉnh phê duyệt chủ trương trước khi Tổng Công ty quyết định việc đầu tư tăng vốn hoặc thu hồi vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác phù hợp với pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp khác.

g) Giám sát việc thu hồi vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác, việc thu lợi tức được chia từ doanh nghiệp khác.



**h)** Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư.

**i)** Thực hiện các quyền, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

**3.** Quyền, trách nhiệm, thù lao, tiền lương, tiền thưởng, quyền lợi, tiêu chuẩn Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác thực hiện theo quy định của Tổng công ty, trong đó:

**a)** Người đại diện thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu vốn Tổng Công ty đầu tư tại các doanh nghiệp khác có trách nhiệm tuân thủ pháp luật; thực hiện đúng các nhiệm vụ được Tổng Công ty giao khi quyết định các vấn đề nêu tại Điều 8 Quy chế này. Kịp thời báo cáo cho Tổng Công ty về tình hình doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không đảm bảo khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do chủ sở hữu giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.

**b)** Người đại diện phải xin ý kiến Tổng Công ty bằng văn bản trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định tại các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên về ngành nghề kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển; việc tổ chức lại, giải thể, phá sản; ban hành điều lệ, sửa đổi, bổ sung điều lệ; việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; đề cử để bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm đối với thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc/ Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc/ Phó Giám đốc; phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng các quỹ, chia cổ tức hàng năm.

**c)** Người đại diện có trách nhiệm yêu cầu doanh nghiệp khác nộp lợi nhuận, cổ tức được chia về cho Tổng Công ty.

**d)** Trên cơ sở báo cáo tài chính và các báo cáo khác của doanh nghiệp được cử làm Người đại diện, định kỳ hàng quý và kết thúc năm tài chính hoặc đột xuất theo yêu cầu của Tổng Công ty, Người đại diện phải tổng hợp, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính, kiến nghị các biện pháp xử lý, tháo gỡ khó khăn nhằm nâng cao hiệu quả vốn của Tổng Công ty đầu tư tại các doanh nghiệp khác báo cáo Tổng Công ty

**đ)** Người đại diện chuyên trách trong ban quản lý, điều hành tại các doanh nghiệp khác được hưởng lương, phụ cấp trách nhiệm (nếu có), tiền thưởng và các quyền lợi khác quy định tại Điều lệ doanh nghiệp đó và do doanh nghiệp đó trả theo quy định của pháp luật.

**e)** Người đại diện kiêm nhiệm không tham gia chuyên trách trong ban quản lý, điều hành các doanh nghiệp khác thì thù lao, tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm (nếu có) và các quyền lợi khác được hưởng do Tổng Công ty chi trả theo quy định của pháp luật.

**g)** Người đại diện khi được quyền mua cổ phần phát hành thêm, trái phiếu chuyển đổi theo quyết định của công ty cổ phần (trừ trường hợp được mua theo



quyền của cổ đông hiện hữu) thì phải báo cáo bằng văn bản cho Tổng Công ty. Tổng Công ty quyết định bằng văn bản số lượng cổ phần Người đại diện được mua theo mức độ đóng góp và kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đại diện. Phần còn lại thuộc quyền mua của Tổng Công ty.

Trường hợp Người đại diện được cử làm đại diện tại nhiều công ty cổ phần, thì chỉ được lựa chọn quyền mua cổ phần phát hành thêm, trái phiếu chuyển đổi tại một công ty cổ phần mà người đó được cử làm đại diện. Người đại diện có trách nhiệm báo cáo và được Tổng Công ty quyết định về việc thực hiện quyền mua cổ phần nêu trên; Quyền mua cổ phần phát hành thêm, trái phiếu chuyển đổi của Người đại diện tại các công ty cổ phần còn lại thuộc quyền mua của Tổng Công ty (trừ trường hợp Người đại diện được mua theo quyền của cổ đông hiện hữu).

**h) Tiêu chuẩn của Người đại diện:**

Người đại diện phải có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều 48 Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

**4. Chế độ báo cáo của Người đại diện của Tổng Công ty**

Trên cơ sở báo cáo tài chính và các báo cáo khác, định kỳ hàng quý và kết thúc năm tài chính hoặc theo yêu cầu của chủ sở hữu, Người đại diện phải tổng hợp, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính, kiến nghị các biện pháp xử lý, tháo gỡ khó khăn nhằm nâng cao hiệu quả vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác báo cáo Tổng Công ty.

**5. Thu lợi nhuận được chia từ vốn của Tổng Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác.**

Người đại diện có trách nhiệm yêu cầu doanh nghiệp khác nộp kịp thời lợi nhuận, cổ tức được chia về Tổng Công ty.

**Điều 22. Quyết định tăng vốn Tổng Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác**

Việc tăng vốn Tổng Công ty đầu tư tại các doanh nghiệp khác thực hiện như sau:

**1. Thẩm quyền quyết định phương án tăng vốn Tổng Công ty đầu tư tại các doanh nghiệp khác thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 Quy chế này.**

**2. Phương thức tăng vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của các doanh nghiệp.**

**3. Khi doanh nghiệp khác có kế hoạch tăng vốn điều lệ, Người đại diện phải xây dựng phương án bổ sung vốn Tổng Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác báo cáo Tổng Công ty quyết định. Phương án bổ sung vốn bao gồm các nội dung:**

- Căn cứ pháp lý để tăng vốn của doanh nghiệp khác.



- Tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp khác trong 3 năm trước khi thực hiện phương án tăng vốn.

- Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển và sử dụng nguồn vốn tăng của doanh nghiệp.

- Đánh giá lợi ích kinh tế thu được và ảnh hưởng tăng đầu tư vốn của Tổng Công ty vào doanh nghiệp khác.

- Đề xuất nguồn bổ sung vốn Tổng Công ty vào doanh nghiệp khác.

4. Trường hợp doanh nghiệp khác tăng vốn mà Tổng Công ty không có nhu cầu đầu tư bổ sung vốn thì Tổng Công ty xem xét, quyết định chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm, trái phiếu chuyển đổi, quyền góp vốn cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật.

Nguyên tắc chuyển nhượng quyền mua cổ phần, trái phiếu chuyển đổi thực hiện theo phương thức đấu giá công khai. Việc xác định giá khởi điểm được thực hiện thông qua tổ chức có chức năng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá. Trường hợp thời gian cho phép cổ đông thực hiện quyền mua cổ phần, trái phiếu chuyển đổi theo phương án phát hành của công ty cổ phần ngắn, không đủ để tổ chức thực hiện đấu giá chuyển nhượng thì Tổng Công ty xem xét quyết định giá chuyển nhượng quyền mua theo quy định và đảm bảo hiệu quả.

Người có thẩm quyền quyết định chuyển nhượng quyền mua cổ phần, trái phiếu chuyển đổi không được quyết định chuyển nhượng cho doanh nghiệp trong đó có vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột là người quản lý doanh nghiệp này và không được quyết định chuyển nhượng cho các cá nhân là người có quan hệ như trên.

5. Tiền thu về chuyển nhượng quyền mua cổ phần, trái phiếu chuyển đổi tại doanh nghiệp khác sau khi trừ các chi phí có liên quan đến việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần, hoàn thành các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật, phần còn lại được nộp về Tổng Công ty.

### **Điều 23. Quyết định giảm vốn, thu hồi toàn bộ vốn Tổng Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác**

Tổng Công ty giảm vốn hoặc thu hồi toàn bộ vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác được thực hiện thông qua hình thức chuyển nhượng theo quy định tại Điều 20 Quy chế này khi Tổng Công ty quyết định giảm bớt vốn của Tổng Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác hoặc khi doanh nghiệp khác bị giải thể, phá sản.

### **Điều 24. Bảo toàn vốn tại Tổng Công ty**

1. Tổng Công ty có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu đã đầu tư tại Tổng Công ty. Mọi biến động về tăng, giảm vốn chủ sở hữu, Tổng Công ty phải báo cáo chủ sở hữu để theo dõi, giám sát. Định kỳ 6 tháng, hàng



năm Tổng Công ty phải đánh giá hiệu quả sử dụng vốn thông qua chỉ tiêu mức độ bảo toàn vốn theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Việc bảo toàn vốn tại Tổng Công ty cụ thể như sau:

Căn cứ vào chỉ tiêu lãi, lỗ của Tổng Công ty theo báo cáo tài chính quý, năm để đánh giá mức độ bảo toàn vốn của Tổng Công ty.

a) Trường hợp Tổng Công ty có lãi hoặc không lỗ, mức độ bảo toàn vốn được xác định theo hệ số H:

Vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty tại thời điểm báo cáo

H =

Vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty cuối kỳ trước liền kề với kỳ báo cáo

Trong đó:

- Vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty để xác định mức độ bảo toàn vốn bao gồm nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu (mã số 411), quỹ đầu tư phát triển (mã số 417), nguồn vốn xây dựng cơ bản (mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán theo Báo cáo tài chính quý hoặc năm (Mẫu số B 01-DN ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có).

- Khi xác định hệ số bảo toàn vốn theo quy định nêu trên, Tổng Công ty phải loại trừ các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến sự thay đổi vốn trong kỳ báo cáo như: vốn nhà nước đầu tư bổ sung cho Tổng Công ty, vốn nhà nước điều chuyển từ nơi khác đến.

Phương pháp đánh giá mức độ bảo toàn vốn: nếu hệ số  $H = 1$  Tổng Công ty bảo toàn được vốn, hệ số  $H > 1$  Tổng Công ty đã phát triển được vốn.

b) Trường hợp Tổng Công ty kinh doanh thua lỗ (không bảo toàn được vốn), Hội đồng thành viên phải có báo cáo gửi UBND tỉnh và Bộ Tài chính về nguyên nhân thua lỗ không bảo toàn được vốn. UBND tỉnh căn cứ tình hình lỗ của Tổng Công ty quyết định thực hiện giám sát tài chính hoặc giám sát tài chính đặc biệt đối với Tổng Công ty theo quy định hiện hành.

Việc xử lý lỗ của Tổng Công ty thực hiện theo quy định của Pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

2. Việc bảo toàn vốn chủ sở hữu tại Tổng Công ty được thực hiện bằng các biện pháp sau đây:

a) Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật.

b) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.



c) Xử lý kịp thời giá trị tài sản tồn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi và trích lập các khoản dự phòng rủi ro sau đây:

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính (Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính dài hạn);
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi;
- Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp.

Tại thời điểm ban hành Quy chế này, việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 của Bộ Tài chính. Đối với khoản đầu tư vốn ra ngoài Tổng Công ty được trích lập dự phòng theo quy định về trích lập dự phòng tổn thất đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 của Bộ Tài chính.

d) Các biện pháp khác về bảo toàn vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

### 3. Nguyên tắc trích lập các khoản dự phòng:

a) Các khoản dự phòng nêu trên được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh năm báo cáo tại thời điểm lập báo cáo tài chính, đảm bảo có nguồn tài chính để bù đắp tổn thất có thể xảy ra trong năm tiếp theo.

b) Các đơn vị phụ thuộc phải xây dựng quy chế về quản lý vật tư, hàng hóa, quản lý công nợ để hạn chế các rủi ro trong kinh doanh; xác định rõ trách nhiệm của từng bộ phận, từng cá nhân trong việc theo dõi, quản lý hàng hóa, thu hồi công nợ.

c) Nghiêm cấm các đơn vị phụ thuộc lợi dụng việc trích lập dự phòng để tính thêm vào chi phí các khoản dự phòng không đúng quy định nhằm làm giảm nghĩa vụ nộp ngân sách. Những đơn vị phụ thuộc cố tình vi phạm sẽ bị xử phạt như hành vi trốn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **Điều 25. Quản lý tiền mặt**

1. Khi thực hiện việc thu, chi quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi. Trên phiếu thu, phiếu chi phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các đối tượng có liên quan theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm. Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và thu chi quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác



định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý. Các đơn vị có trách nhiệm quản lý chặt chẽ quỹ tiền mặt tại đơn vị mình, thực hiện kiểm kê tồn quỹ theo định kỳ, kết hợp với kiểm kê đột xuất.

2. Trong thời gian 3 ngày làm việc mà không có nhu cầu chi tiêu thì các đơn vị phụ thuộc chỉ được để tồn quỹ tiền mặt với mức sau:

Nhóm 1 : dưới 40 triệu đồng.

Nhóm 2 : dưới 30 triệu đồng.

Nhóm 3 : dưới 20 triệu đồng.

3. Các đơn vị phụ thuộc chỉ được phép chi trả tiền mặt có giá trị dưới hai mươi triệu đồng (đã bao gồm thuế GTGT)/một đối tượng/ngày để thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ cho các nhà cung cấp. Nếu giá trị chi trả vượt mức trên thì các đơn vị phụ thuộc trực tiếp chuyển khoản thanh toán hoặc làm thủ tục đề nghị Tổng Công ty thanh toán hộ tùy theo phân cấp. Nghiêm cấm các đơn vị phụ thuộc cố tình chia nhỏ việc chi trả tiền mặt cho các nhà cung cấp thành nhiều lần để mở rộng thẩm quyền quyết định của mình.

4. Các đơn vị phụ thuộc nên hạn chế việc thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ bằng tiền mặt.

## **Điều 26. Quản lý tiền gửi ngân hàng**

1. Tùy theo tính chất, quy mô giao dịch với khách hàng và địa bàn đóng trụ sở của đơn vị phụ thuộc mà Tổng Công ty xem xét cho các đơn vị phụ thuộc được mở tài khoản tiền gửi ngân hàng (*tài khoản thông thường hoặc tài khoản chuyên thu*) để thuận tiện trong hoạt động thanh toán.

Danh sách các đơn vị phụ thuộc được mở tài khoản tiền gửi ngân hàng quy định tại Phụ lục 3 đính kèm.

2. Hàng tháng sau khi cân đối nhu cầu chi tiêu, thì các đơn vị phụ thuộc chỉ được để số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng với mức sau :

Nhóm 1 : dưới 300 triệu đồng.

Nhóm 2 : dưới 100 triệu đồng.

Nhóm 3 : dưới 50 triệu đồng.

3. Các đơn vị được quyền trực tiếp chuyển khoản thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ của các nhà cung cấp theo mức phân cấp như sau :

Nhóm 1 : dưới 300 triệu đồng /một lần chuyển khoản.

Nhóm 2 : dưới 200 triệu đồng /một lần chuyển khoản.

Nhóm 3 : dưới 150 triệu đồng /một lần chuyển khoản.

Nếu giá trị chi trả vượt mức trên thì các đơn vị phụ thuộc phải làm thủ tục đề nghị Tổng Công ty thanh toán hộ. Nghiêm cấm các đơn vị phụ thuộc cố tình chia nhỏ việc chuyển khoản thanh toán cho các nhà cung cấp thành nhiều lần để mở rộng thẩm quyền quyết định của mình.



### CHƯƠNG 3

## QUẢN LÝ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT

#### **Điều 27. Quy định chung về quản lý doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh**

Các đơn vị phụ thuộc có trách nhiệm tổ chức quản lý chặt chẽ các khoản doanh thu, chi phí nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của đơn vị. Về nguyên tắc, tất cả các khoản chi mua hàng hóa, dịch vụ đều phải đảm bảo được sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, mang lại hiệu quả kinh tế và phải được tiến hành khảo giá trước khi mua.

#### **Điều 28. Doanh thu và thu nhập khác**

1. Doanh thu và thu nhập khác được xác định phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành.

2. Doanh thu bao gồm doanh thu hoạt động sản xuất, kinh doanh và doanh thu hoạt động tài chính, trong đó:

a) Doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

b) Doanh thu từ hoạt động tài chính bao gồm: các khoản thu phát sinh từ tiền bán quyền, cho các bên khác sử dụng tài sản, tiền lãi từ việc cho vay vốn, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi cho thuê tài chính; chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, kể cả chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ có tỷ giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính thấp hơn tỷ giá ghi trên sổ kế toán; tiền thu từ chuyển nhượng vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác; lợi nhuận, cổ tức được chia từ việc đầu tư vốn (bao gồm cả phần lợi nhuận sau thuế sau khi để lại trích các quỹ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp sở hữu 100% vốn điều lệ và cổ tức được chia bằng cổ phiếu tại các công ty cổ phần). Trường hợp lợi nhuận được chia đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thì không phải nộp thuế thu nhập đối với khoản lợi nhuận được chia này.

3. Thu nhập khác gồm các khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền bảo hiểm được bồi thường, các khoản nợ phải trả nay mất chủ, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng, giá trị tài sản trí tuệ được bên nhận vốn góp chấp nhận và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

4. Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc các đơn vị phụ thuộc chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và trước pháp luật, tổ chức quản lý chặt chẽ đảm bảo về tính đúng đắn và hợp pháp của các khoản doanh thu, thu nhập khác của đơn vị.



Toàn bộ doanh thu, thu nhập khác của đơn vị phát sinh phải có đầy đủ chứng từ theo quy định của pháp luật kế toán và phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán của đơn vị theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Doanh thu, thu nhập khác được xác định bằng đồng Việt Nam, trường hợp thu bằng ngoại tệ phải quy đổi về đồng Việt Nam theo quy định của pháp luật.

5. Các đơn vị phụ thuộc được quyền chủ động trong việc tìm kiếm, lựa chọn khách hàng để tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của đơn vị mình. Riêng việc xuất khẩu, gia công xuất khẩu, tiêu thụ thuốc lá điếu và thuốc lá lá phải xin ý kiến Tổng Công ty.

### **Điều 29. Chi phí hoạt động kinh doanh**

Chi phí hoạt động kinh doanh là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Việc xác định chi phí được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành. Chi phí hoạt động kinh doanh của các đơn vị phụ thuộc quy định cụ thể như sau:

#### **1. Chi phí sản xuất kinh doanh:**

a) Chi phí nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, động lực, bán thành phẩm, thành phẩm, hàng hóa: Các đơn vị phụ thuộc phải tiến hành xây dựng, trình Tổng Công ty ban hành và tổ chức thực hiện các định mức tiêu hao nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, động lực, bán thành phẩm, thành phẩm, hàng hóa sử dụng vào sản xuất, kinh doanh phù hợp với đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, ngành, nghề kinh doanh của đơn vị mình.

b) Chi phí khấu hao tài sản cố định: Thực hiện theo quy định của Nhà nước.

c) Chi phí tiền lương, tiền công, chi phí có tính chất lương phải trả cho người lao động: Hội đồng thành viên quyết định quỹ lương của người lao động theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Các đơn vị phụ thuộc thực hiện việc chi trả tiền lương, tiền công và các chi phí có tính chất lương cho người lao động theo quy định của Tổng Công ty.

d) Kinh phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế cho người lao động: Thực hiện theo quy định của Nhà nước.

đ) Chi phí dịch vụ mua ngoài là các khoản chi phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị phụ thuộc như: chi phí sửa chữa gia công; chi phí thuê tài sản cố định, mặt bằng, kho bãi; chi phí điện, nước, điện thoại; chi phí bốc vác, vận chuyển; hoa hồng đại lý, môi giới, ủy thác xuất nhập khẩu; chi phí mua bảo hiểm tài sản; chi phí giao dịch, tiếp khách; chi phí quảng cáo; công tác phí; bồi dưỡng độc hại .... , trong đó :

- Chi phí sửa chữa gia công: phải lập dự toán trước khi thực hiện. Trong trường hợp cấp bách không thể chờ lập dự toán thì Giám đốc các đơn vị phụ



thuộc tự quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Khi công việc gia công sửa chữa hoàn thành phải tiến hành nghiệm thu. Thẩm quyền ký kết hợp đồng sửa chữa gia công của các đơn vị phụ thuộc như sau:

Nhóm 1 : Tổng chi phí sửa chữa gia công dưới 200 triệu đồng/quý.

Nhóm 2 : Tổng chi phí sửa chữa gia công dưới 150 triệu đồng/quý.

Nhóm 3 : Tổng chi phí sửa chữa gia công dưới 100 triệu đồng/quý.

- Chi phí thuê tài sản cố định, mặt bằng, kho bãi, nhà xưởng: Thanh toán theo chi phí thực tế.

- Chi phí điện, nước, điện thoại, internet: Thanh toán theo chi phí thực tế phát sinh trên tinh thần tiết kiệm. Riêng chi phí điện thoại của cá nhân phục vụ cho SXKD của đơn vị thì thanh toán theo quy định của Tổng Công ty.

- Chi phí bốc vác, vận chuyển : Thanh toán theo chi phí thực tế.

- Chi hoa hồng đại lý, môi giới, ủy thác xuất nhập khẩu: Thực hiện theo quy định của Nhà nước và của Tổng Công ty. Các đơn vị phụ thuộc phải xây dựng, trình Tổng Công ty phê duyệt quy chế chi hoa hồng gắn liền với hiệu quả kinh tế do việc môi giới mang lại.

- Chi phí mua bảo hiểm tài sản: Các đơn vị phụ thuộc có trách nhiệm mua bảo hiểm tài sản theo quy định của Nhà nước sau khi trình Tổng Công ty phê duyệt danh mục các tài sản cần mua bảo hiểm.

- Chi phí giao dịch, tiếp khách: Việc chi giao dịch, tiếp khách nhất thiết phải nhằm mục đích phục vụ cho SXKD của đơn vị. Nghiêm cấm việc sử dụng các khoản chi phí này cho mục đích cá nhân. Các đơn vị phụ thuộc được quyền chi giao dịch, tiếp khách không vượt quá 20 triệu đồng/quý.

- Chi phí quảng cáo khuyến mại; chi phí nghiên cứu thị trường: thăm dò, khảo sát, phỏng vấn, thu thập, phân tích và đánh giá thông tin; chi phí phát triển và hỗ trợ nghiên cứu thị trường; chi phí thuê tư vấn thực hiện công việc nghiên cứu, phát triển và hỗ trợ nghiên cứu thị trường; Chi phí trưng bày, giới thiệu sản phẩm và tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại: Thực hiện theo quy định của Tổng Công ty.

- Chi hỗ trợ tiếp thị, chi hỗ trợ chi phí, chiết khấu thanh toán: Thực hiện theo quy định của Tổng Công ty.

- Công tác phí: Thực hiện theo quy định của Tổng Công ty.

- Bồi dưỡng độc hại : Thực hiện theo quy định của Nhà nước.

e) Chi phí bằng tiền khác gồm:

- Các khoản thuế, phí, lệ phí: Thực hiện theo quy định của Nhà nước.

- Tiền thuê đất: Thực hiện theo quy định của Nhà nước.

- Trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động: Thực hiện theo quy định của Nhà nước.

- Đào tạo nâng cao năng lực quản lý, tay nghề của người lao động: Thực hiện theo quy định của Tổng Công ty.



- Chi cho công tác y tế: Thực hiện theo quy định của Nhà nước.
- Thương sáng kiến cải tiến, thưởng tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm vật tư và chi phí: Mức thưởng do Tổng Giám đốc quyết định căn cứ vào hiệu quả công việc trên mang lại nhưng không được cao hơn số tiết kiệm chi phí do công việc đó mang lại trong 01 năm.
- Chi phí cho lao động nữ: Thực hiện theo quy định của Nhà nước.
- Chi phí cho công tác bảo vệ môi trường: Thực hiện theo quy định của Nhà nước.
- Chi đóng góp vào các quỹ của Hiệp hội được thành lập theo quy định của pháp luật: Thực hiện theo quy định của Hiệp hội.
- Chi phí ăn ca cho người lao động: Thực hiện theo quy định của Tổng Công ty.
- Chi trang phục, bảo hộ lao động: Thực hiện theo quy định của Tổng Công ty.
- Chi thuê bảo vệ kho tàng, nhà xưởng, cơ sở SXKD: Thanh toán theo chi phí thực tế phát sinh.

Chi tài trợ cho giáo dục, tài trợ cho y tế, tài trợ cho việc khắc phục hậu quả thiên tai, tài trợ làm nhà tình nghĩa cho người nghèo: Thực hiện theo quy định của Tổng Công ty.

- Chi phí cho công tác Đảng, đoàn thể (Phân chi ngoài nguồn kinh phí của tổ chức Đảng, đoàn thể): Thực hiện theo quy định của Nhà nước.
- Các khoản chi phí bằng tiền khác: đối với các khoản chi phí khác mà chưa được quy định cụ thể tại Điều này thì các đơn vị phụ thuộc được quyền chi theo mức phân cấp như sau :

Nhóm 1 : Tổng mức chi dưới 100 triệu đồng/quý.

Nhóm 2 : Tổng mức chi dưới 70 triệu đồng/quý.

Nhóm 3 : Tổng mức chi dưới 50 triệu đồng/quý.

**g)** Nợ phải thu không có khả năng thu hồi sau khi đã xử lý bồi thường cá nhân, tập thể liên quan và bù đắp bằng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi; Giá trị tài sản tổn thất thực tế theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Quy chế này.

**h)** Giá trị các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp: Trích lập theo quy định tại Điều 24 Quy chế này; Chênh lệch tỷ giá theo số dư khoản nợ vay dài hạn bằng ngoại tệ; Chi phí trích trước bảo hành sản phẩm; Các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đặc thù.

**i)** Chi phí hoạt động tài chính, bao gồm: các khoản chi liên quan đến đầu tư tài chính (bao gồm các khoản chi phí do các bên góp vốn phải tự chi kể cả khoản lỗ được chia từ doanh nghiệp góp vốn); giá trị vốn góp được chuyển nhượng, tiền lãi phải trả do huy động vốn, chênh lệch tỷ giá, chi phí chiết khấu



thanh toán, chi phí cho thuê tài sản; dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn.

2. Chi phí khác, bao gồm:

a) Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định: Thanh toán theo chi phí thực tế phát sinh.

b) Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa sổ kế toán: Thanh toán theo chi phí thực tế phát sinh.

c) Chi phí để thu tiền phạt: Thanh toán theo chi phí thực tế phát sinh.

d) Chi phí về tiền phạt do vi phạm hợp đồng: Thanh toán theo chi phí thực tế phát sinh.

đ) Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

3. Không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh các khoản đã có nguồn khác đảm bảo hoặc không liên quan đến sản xuất kinh doanh sau đây:

a) Chi phí mua sắm xây dựng, lắp đặt tài sản cố định hữu hình, vô hình.

b) Chi phí lãi vay vốn được tính vào chi phí đầu tư và xây dựng.

c) Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty; các khoản chi không có chứng từ hợp lệ.

d) Các khoản tiền phạt về vi phạm pháp luật không mang danh công ty mà do cá nhân gây ra.

### **Điều 30. Quản lý chi phí**

Các đơn vị phụ thuộc phải quản lý chặt chẽ các khoản chi phí để giảm chi phí và giá thành sản phẩm nhằm tăng lợi nhuận bằng các biện pháp quản lý sau đây:

1. Các đơn vị phụ thuộc phải xây dựng, trình Tổng Công ty ban hành và tổ chức thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp với đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, ngành, nghề kinh doanh, mô hình tổ chức quản lý, trình độ trang bị của đơn vị. Các định mức phải được phổ biến đến tận người thực hiện, công bố công khai cho người lao động trong đơn vị biết để thực hiện và kiểm tra, giám sát. Trường hợp không thực hiện được các định mức, làm tăng chi phí phải phân tích rõ nguyên nhân, trách nhiệm để xử lý theo quy định của pháp luật. Nếu do nguyên nhân chủ quan phải bồi thường thiệt hại. Hội đồng thành viên quyết định mức bồi thường theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Trường hợp kinh doanh trong lĩnh vực phải đăng ký giá với Nhà nước, hàng năm phải báo cáo chủ sở hữu và Sở Tài chính tình hình thực hiện chi phí sản xuất kinh doanh. Nội dung báo cáo phải phân tích, so sánh giữa thực hiện và định mức các loại chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí lao động tiền lương, chi phí nguyên, nhiên, vật liệu, chi phí quản lý doanh nghiệp trong đó các khoản chi phí quảng cáo, tiếp thị, giao dịch, tiếp khách, chi phí khác, xác định rõ



nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân đối với việc thực hiện vượt định mức.

3. Các đơn vị phụ thuộc phải định kỳ phải tổ chức phân tích chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm của đơn vị nhằm phát hiện những khâu yếu, kém trong quản lý, những yếu tố làm tăng chi phí, giá thành sản phẩm để có giải pháp khắc phục kịp thời.

4. Giám đốc các đơn vị phụ thuộc có trách nhiệm xây dựng trình Tổng Công ty ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật; định mức lao động; định mức chi phí phù hợp với điều kiện kinh doanh, làm căn cứ điều hành hoạt động kinh doanh của đơn vị. Chủ động xây dựng kế hoạch tiết giảm chi phí phù hợp với thực trạng và hoạt động của đơn vị.

5. Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc các đơn vị phụ thuộc chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và trước pháp luật, tổ chức quản lý chặt chẽ đảm bảo về tính đúng đắn và hợp pháp của các khoản chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Toàn bộ chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị phụ thuộc phát sinh phải có đầy đủ chứng từ theo quy định của pháp luật kế toán và phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán của đơn vị theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Các đơn vị phụ thuộc phải tính đúng, tính đủ chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh, tự trang trải mọi khoản chi phí bằng các khoản thu và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của mình.

### **Điều 31. Phân phối thu nhập**

Lợi nhuận sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối như sau:

1. Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có).

2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế.

3. Số lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi các nội dung quy định tại các Khoản 1, 2 Điều này được phân phối như sau:

a) Trích 30% vào quỹ đầu tư phát triển.

b) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:

- Tổng Công ty xếp loại A được trích tối đa không quá 3 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Tổng Công ty xếp loại B được trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;





- Tổng Công ty xếp loại C được trích tối đa không quá 1 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

Tổng Công ty không thực hiện xếp loại thì không được trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.

c) Trích quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp:

- Tổng Công ty xếp loại A được trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện của viên chức quản lý doanh nghiệp;

- Tổng Công ty xếp loại B được trích tối đa không quá 01 tháng lương thực hiện của viên chức quản lý doanh nghiệp;

- Tổng Công ty xếp loại C hoặc doanh nghiệp không thực hiện xếp loại thì không được trích lập quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp.

d) Khi Tổng Công ty trích hai quỹ khen thưởng, phúc lợi mà không đủ mức theo quy định tại Điểm b Khoản này, thì được giảm trừ phần trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi nhưng tối đa không vượt quá mức trích vào quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính.

đ) Số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập theo quy định tại các Điểm a, b, c, d Khoản này được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Hội đồng thành viên có trách nhiệm chỉ đạo Tổng giám đốc phải hoàn thành việc nộp lợi nhuận về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp chậm nhất trước ngày 30/6 năm sau năm báo cáo. Trường hợp Tổng Công ty chậm nộp (nộp sau ngày 30/6) hoặc không chấp hành nộp thì ngoài việc đánh giá mức độ không hoàn thành nhiệm vụ của viên chức quản lý doanh nghiệp, Tổng Công ty phải chịu nộp lãi phạt chậm nộp, áp dụng biện pháp cưỡng chế theo Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Riêng lợi nhuận còn lại của năm 2013 và 2014 sau khi trích lập các quỹ theo quy định của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP và hướng dẫn Quy chế này, Tổng Công ty thực hiện nộp theo quy định tại Nghị định số 204/2013/NĐ-CP ngày 05/12/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết của Quốc hội về một số giải pháp thực hiện ngân sách nhà nước năm 2013, 2014 và hướng dẫn tại Thông tư số 187/2013/TT-BTC ngày 02/12/2013 của Bộ Tài chính.

4. Khi vốn chủ sở hữu lớn hơn so với vốn điều lệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện theo quy định tại Điểm 2 Điều 32 Quy chế này.

5. Căn cứ để trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp xác định như sau:

a) Về xếp loại Tổng Công ty A, B, C làm căn cứ trích lập các quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật (Tại thời điểm ban hành Quy chế này, việc xếp loại Tổng Công ty A, B, C làm căn cứ trích lập các quỹ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ về việc ban



*hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước, Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2013 hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước theo Nghị định số 61/2013/NĐ-CP).*

**b) Về tiền lương tháng thực hiện làm căn cứ trích lập các quỹ:**

- Đối với trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi: Tại thời điểm ban hành Quy chế này, căn cứ quỹ tiền lương thực hiện của người lao động trong năm tài chính được xác định theo quy định tại Nghị định số 50/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về Quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu, chia (:) cho 12 tháng.

- Đối với trích quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp: Tại thời điểm ban hành Quy chế này, căn cứ quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của viên chức quản lý (chuyên trách và không chuyên trách) được xác định theo quy định của Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu, chia (:) cho 12 tháng.

6. Chủ tịch Hội đồng thành viên quyết định việc phân bổ quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi sau khi thống nhất ý kiến với Ban chấp hành Công đoàn.

### **Điều 32. Mục đích sử dụng các quỹ**

#### **1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ:**

Việc trích lập, quản lý, quyết toán việc sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ cho Tổng Công ty. Trường hợp vốn chủ sở hữu lớn hơn so với vốn điều lệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Bộ Tài chính có phương án báo cáo Thủ tướng Chính phủ điều chuyển quỹ đầu tư phát triển của Tổng Công ty về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

- Việc điều chuyển quỹ đầu tư phát triển của Tổng Công ty chỉ được xác định sau khi Tổng Công ty đã sử dụng quỹ để bổ sung đủ mức vốn điều lệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tính đến thời điểm 31/12 của năm báo cáo tài chính.

- Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày có quyết định điều chuyển của Thủ tướng Chính phủ, Tổng Công ty có trách nhiệm nộp tiền về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp đồng thời hạch toán giảm quỹ đầu tư phát triển tương



ứng với số tiền đã nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Trường hợp Tổng Công ty chậm nộp, không chấp hành nộp thì ngoài việc đánh giá mức độ không hoàn thành nhiệm vụ của viên chức quản lý doanh nghiệp, Tổng Công ty phải chịu nộp lãi phạt chậm nộp, doanh nghiệp sẽ bị áp dụng biện pháp cưỡng chế theo Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

**3. Quỹ khen thưởng được dùng để:**

a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Tổng Công ty.

b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Tổng Công ty.

c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Tổng Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Tổng Công ty.

Đối tượng được chi quỹ khen thưởng là toàn bộ người lao động của Tổng Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng làm việc theo hợp đồng lao động.

Quỹ khen thưởng của Tổng Công ty không dùng để chi thưởng cho đối tượng là viên chức quản lý doanh nghiệp.

Mức thưởng theo quy định tại các Điểm a, b, c Khoản này do Tổng Giám đốc quyết định. Riêng Điểm a Khoản này cần có ý kiến của Công đoàn Tổng Công ty trước khi quyết định.

**4. Quỹ phúc lợi được dùng để:**

a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Tổng Công ty.

b) Chi cho các hoạt động phúc lợi của tập thể người lao động trong Tổng Công ty.

c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng.

d) Sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

Quỹ phúc lợi của Tổng Công ty được sử dụng để chi cho các nội dung phúc lợi và đối tượng nêu trên bao gồm cả các đối tượng là viên chức quản lý doanh nghiệp.

Việc sử dụng quỹ phúc lợi do Hội đồng thành viên quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Công đoàn Tổng Công ty.

**5. Quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp được sử dụng để thưởng cho Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Tổng Công ty. Mức thưởng do UBND tỉnh quyết định**



gắn với tiêu chí đánh giá các chức danh này và hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Hội đồng thành viên căn cứ Quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp đã được trích lập, xác định số tiền quỹ phải nộp cho chủ sở hữu để chủ sở hữu chi thưởng cho Kiểm soát viên (chuyên trách và không chuyên trách) theo quy định.

Số tiền trích quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp (sau khi đã trừ số tiền thưởng của Kiểm soát viên theo quy định nêu trên), được sử dụng để chi thưởng cho các đối tượng là viên chức quản lý khác của Tổng Công ty.

Tại thời điểm ban hành Quy chế này, việc chi thưởng cho viên chức quản lý doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ và Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

6. Tổng Công ty phải xây dựng quy chế quản lý sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, đảm bảo dân chủ, minh bạch có sự tham gia của Ban chấp hành công đoàn Tổng Công ty và công khai trong Tổng Công ty trước khi thực hiện.

7. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp phải được chấp thuận của chủ sở hữu và thực hiện công khai, theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

8. Tổng Công ty chỉ được chi quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp sau khi thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

9. Xử lý số dư quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận được chia theo vốn chủ sở hữu:

Khi lập báo cáo tài chính năm 2013, toàn bộ số dư của nguồn quỹ dự phòng tài chính đến thời điểm 31/12/2013 và số dư nguồn lợi nhuận được chia theo vốn chủ sở hữu đến thời điểm 31/12/2012 (nếu có), Tổng Công ty được kết chuyển vào quỹ đầu tư phát triển để sử dụng bổ sung vốn điều lệ còn thiếu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

#### **CHƯƠNG 4**

### **KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH,**

## **CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO CỦA**

## **CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT**

**Điều 33. Kế hoạch tài chính, chế độ kế toán, thống kê, kiểm toán**

**1. Kế hoạch tài chính:**



a) Căn cứ vào định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển sản xuất kinh doanh đã được chủ sở hữu phê duyệt, Tổng Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính dài hạn phù hợp với kế hoạch định hướng của Tổng Công ty đã được chủ sở hữu quyết định.

b) Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, căn cứ vào năng lực và nhu cầu thị trường, Tổng Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo trình Hội đồng thành viên quyết định.

c) Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh được Hội đồng thành viên quyết định, Tổng Công ty thực hiện việc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm kế tiếp gửi chủ sở hữu, cơ quan tài chính trước ngày 31 tháng 7 hàng năm. Chỉ tiêu và mẫu biểu lập kế hoạch tài chính hằng năm thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

d) Chủ sở hữu chủ trì phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp rà soát lại kế hoạch tài chính do Tổng Công ty lập và có ý kiến chính thức bằng văn bản để Tổng Công ty hoàn chỉnh kế hoạch tài chính. Kế hoạch tài chính sau khi hoàn chỉnh được Hội đồng thành viên quyết định là kế hoạch chính thức làm cơ sở để chủ sở hữu và cơ quan tài chính cùng cấp giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

## 2. Chế độ kế toán, thống kê, kiểm toán:

Các đơn vị phụ thuộc phải tổ chức và thực hiện nghiêm túc chế độ kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật. Định kỳ phải tiến hành lập, trình bày, gửi các báo cáo tài chính, kế toán, thống kê. Các đơn vị phụ thuộc chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.

Các đơn vị phụ thuộc phải mở đầy đủ các loại sổ sách kế toán, từ sổ chi tiết đến sổ tổng hợp để phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan toàn bộ biến động của tài sản, vốn hiện có và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị mình. Đồng thời các đơn vị phụ thuộc có trách nhiệm tập hợp, bảo quản, lưu trữ tất cả các chứng từ theo chế độ quy định (*Riêng các đơn vị phụ thuộc hạch toán kế toán báo sổ thì chỉ bảo quản, lưu trữ chứng từ photo, còn chứng từ gốc thì gửi về Phòng Kế toán Tài vụ Tổng Công ty*).

## **Điều 34. Báo cáo tài chính và các báo cáo khác**

1. Kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty phải lập và gửi đúng thời hạn các báo cáo tài chính, báo cáo giám sát, báo cáo thống kê cho các cơ quan theo quy định hiện hành. Thực hiện công khai tài chính theo quy định.

2. Tại thời điểm ban hành Quy chế này, báo cáo tài chính năm được lập theo biểu mẫu quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) và bổ sung Biểu mẫu số 02B-DN "Báo cáo tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách

ĐẠI  
T  
C  
S  
H  
A TR.



nhà nước năm ...” theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

3. Ngoài việc lập và gửi báo cáo tài chính năm, Tổng Công ty phải gửi chủ sở hữu và Sở Tài chính báo cáo giám sát, đánh giá, xếp loại doanh nghiệp (Tại thời điểm ban hành Quy chế này, báo cáo giám sát, đánh giá, xếp loại doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước, Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước).

4. Ngoài các báo cáo tài chính định kỳ theo quy định nêu trên, Tổng Công ty còn phải thực hiện lập và gửi các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhà nước. Trường hợp có khoản vay trong nước và vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh thì gửi các báo cáo theo các quy định hiện hành của pháp luật về quản lý nợ được Chính phủ bảo lãnh.

5. Tổng Công ty phải thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật.

6. Quy định cụ thể về thời gian nộp báo cáo của các đơn vị phụ thuộc:

a) Đối với các đơn vị phụ thuộc hạch toán kế toán báo sổ:

+ Toàn bộ chứng từ phát sinh trong tháng phải được phân loại, lập bảng kê theo nghiệp vụ và gửi trực tiếp về Phòng Kế toán Tài vụ Tổng Công ty chậm nhất là ngày thứ 5 của tháng tiếp theo.

+ Báo cáo thuế: chậm nhất là ngày thứ 5 của tháng tiếp theo.

b) Đối với các đơn vị phụ thuộc hạch toán kế toán toàn diện:

Nhóm	Đơn vị phụ thuộc	Báo cáo thuế (hàng tháng)	Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán	
			Báo cáo quý	Báo cáo năm
I	+Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh +Nhà máy Thuốc lá Khatoco Phú Yên	Chậm nhất là ngày thứ 9 của tháng tiếp theo	Chậm nhất là ngày thứ 15 của quý tiếp theo	Chậm nhất là ngày thứ 20 của năm tiếp theo
II	+Chi nhánh Gia Lai +Khu Du lịch Bảo Đại	Chậm nhất là	Chậm nhất là ngày thứ	Chậm nhất là ngày thứ



	+Công viên Du lịch Yang Bay +Xí nghiệp May Khatoco +Công ty Thuốc lá nguyên liệu Khatoco	ngày thứ 9 của tháng tiếp theo	20 của quý tiếp theo	25 của năm tiếp theo
III	+Nhà máy Thuốc lá Khatoco Khánh Hòa +Công ty Kinh doanh Đà điều Cá sấu Khatoco +Trung tâm Giống Đà điều Khatoco Quảng Nam +Trung tâm Giống Đà điều Khatoco Ninh Hòa	Chậm nhất là ngày thứ 9 của tháng tiếp theo	Chậm nhất là ngày thứ 25 của quý tiếp theo	Chậm nhất là ngày thứ 30 của năm tiếp theo

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh nộp chứng từ, báo cáo các khoản thu hộ, chi hộ các đơn vị thuộc Tổng Công ty: chậm nhất là ngày thứ 5 của tháng tiếp theo.

Trong năm nếu đơn vị phụ thuộc nào chậm nộp báo cáo thuế, báo cáo tài chính từ 2 lần trở lên thì Lãnh đạo và Kế toán trưởng đơn vị đó sẽ bị hạ danh hiệu thi đua.

7. Quy định cụ thể về nội dung nộp báo cáo của các đơn vị phụ thuộc:

a) Báo cáo thuế:

+ Đối với các đơn vị phụ thuộc đóng ngoài tỉnh nơi Tổng Công ty đặt trụ sở chính: việc đăng ký, kê khai, tính thuế, nộp thuế, quyết toán thuế và các quy định khác về thuế phải thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và của cơ quan thuế địa phương, đồng thời báo cáo về Tổng Công ty.

+ Đối với các đơn vị phụ thuộc đóng cùng tỉnh nơi Tổng Công ty đặt trụ sở chính: nộp báo cáo thuế theo mẫu quy định gửi về Phòng Kế toán Tài vụ Tổng Công ty để tổng hợp, báo cáo cho cơ quan thuế.

b) Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán:

+ Báo cáo tài chính: gồm các biểu mẫu theo quy định hiện hành của Nhà nước (*Riêng báo cáo Lưu chuyển tiền tệ không bắt buộc phải lập*) và các bảng biểu chi tiết khác theo yêu cầu quản lý của Tổng Công ty.

+ Báo cáo quyết toán: gồm Bảng cân đối số phát sinh, Sổ cái, Bảng kê nợ, Bảng kê có, Bảng kê chi tiết tài sản cố định, Bảng kê chi tiết hàng tồn kho, Bảng kê chi tiết công nợ phải thu phải trả, Bảng kê chi tiết doanh thu chi phí, Bảng giá thành chi tiết và các bảng biểu chi tiết khác theo yêu cầu quản lý của Tổng Công ty.

8. Quy định cụ thể về thời gian cung cấp số liệu của Kế toán Văn phòng Tổng Công ty:

+ Đối với số liệu, chứng từ phục vụ việc kê khai thuế cung cấp cho các đơn vị phụ thuộc:



- Nếu phát sinh tại Văn phòng Tổng Công ty: chậm nhất là ngày thứ 5 của tháng tiếp theo.

- Nếu phát sinh tại Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh: chậm nhất là ngày thứ 7 của tháng tiếp theo.

+ Đối với số liệu, chứng từ, báo cáo cung cấp cho bộ phận tổng hợp:

- Báo cáo thuế: chậm nhất là ngày thứ 9 của tháng tiếp theo.

- Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán: chậm nhất là ngày thứ 12 của tháng tiếp theo.

## **CHƯƠNG 5 TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 35. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký quyết định ban hành Quy chế và áp dụng cho năm tài chính từ năm 2013 trở đi. Những quy định trước đây về Quản lý Tài chính nội bộ Công ty mẹ - Tổng Công ty Khánh Việt trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cá nhân, đơn vị phản ánh kịp thời về Tổng Công ty để nghiên cứu, giải quyết./.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Tường Anh**



**PHỤ LỤC 1**  
**PHÂN LOẠI ẠP DỤNG HÌNH THỨC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN**  
*(Ban hành kèm theo Quy chế Quản lý Tài chính nội bộ  
Công ty mẹ - Tổng Công ty Khánh Việt)*

**Loại A.** Các đơn vị hạch toán kế toán toàn diện gồm:

1. Nhà máy Thuốc lá Khatoco Khánh Hòa
2. Công ty Thuốc lá nguyên liệu Khatoco
3. Công ty Kinh doanh Đà điều Cá sấu Khatoco
4. Trung tâm Giống Đà điều Khatoco Ninh Hòa
5. Trung tâm Giống Đà điều Khatoco Quảng Nam
6. Công viên Du lịch Yang Bay
7. Xí nghiệp May Khatoco
8. Khu Du lịch Bảo Đại
9. Nhà máy Thuốc lá Khatoco Phú Yên
10. Chi nhánh Gia Lai
11. Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh

**Loại B.** Các đơn vị hạch toán kế toán báo số: không có





**PHỤ LỤC 2**  
**PHÂN NHÓM THAM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, XỬ LÝ CÁC VẤN ĐỀ**  
**LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH TẾ, TÀI CHÍNH**  
*(Ban hành kèm theo Quy chế Quản lý Tài chính nội bộ*  
*Công ty mẹ - Tổng Công ty Khánh Việt)*

	<b>Đơn vị phụ thuộc</b>
<b>Nhóm 1</b>	+ Nhà máy Thuốc lá Khatoco Khánh Hòa + Công ty Thuốc lá nguyên liệu Khatoco
<b>Nhóm 2</b>	+ Công ty Kinh doanh Đà điều Cá sấu Khatoco + Trung tâm Giống Đà điều Khatoco Ninh Hòa + Trung tâm Giống Đà điều Khatoco Quảng Nam + Công viên Du lịch Yang Bay + Xí nghiệp May Khatoco
<b>Nhóm 3</b>	+ Khu Du lịch Bảo Đại + Nhà máy Thuốc lá Khatoco Phú Yên + Chi nhánh Gia Lai + Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh





**PHỤ LỤC 3**  
**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC MỞ TÀI KHOẢN**  
**TIỀN GỬI NGÂN HÀNG**

*(Ban hành kèm theo Quy chế Quản lý Tài chính nội bộ  
Công ty mẹ - Tổng Công ty Khánh Việt)*

**A. Danh sách các đơn vị được mở tài khoản tiền gửi ngân hàng thông thường:**

1. Nhà máy Thuốc lá Khatoco Khánh Hòa
2. Công ty Thuốc lá nguyên liệu Khatoco
3. Công ty Kinh doanh Đà điều Cá sấu Khatoco
4. Trung tâm Giống Đà điều Khatoco Ninh Hòa
5. Trung tâm Giống Đà điều Khatoco Quảng Nam
6. Công viên Du lịch Yang Bay
7. Xí nghiệp May Khatoco
8. Khu Du lịch Bảo Đại
9. Nhà máy Thuốc lá Khatoco Phú Yên
10. Chi nhánh Gia Lai
11. Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh

**B. Danh sách các đơn vị được mở tài khoản tiền gửi ngân hàng chuyên thu: không có**